

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018; Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chi tiết điểm d khoản 2 Điều 15 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh.

2. Đối với các loài cây không quy định trong Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo quy định tại khoản 1 điều này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến các biện pháp lâm sinh, bao gồm:

- a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung;
- b) Nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng;
- c) Cải tạo rừng tự nhiên;
- d) Trồng rừng mới, trồng lại rừng; chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.

Điều 2. Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất

1. Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện. Theo dõi, tổng hợp đề xuất của các địa phương, cơ quan, đơn vị, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục cho phù hợp với tình hình triển khai công tác phát triển rừng.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất để triển khai thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2025.

2. Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Các chương trình, dự án, hoạt động có các biện pháp lâm sinh liên quan đến danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; loài cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất, đã được phê duyệt

trước ngày Quyết định này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện cho đến khi nghiệm thu kết thúc.

2. Đối với các chương trình, dự án, hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định nhưng chưa phê duyệt hoặc cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đã nộp hồ sơ nhưng chưa thẩm định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3, Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB QPPL và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh Phú Thọ;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, NN9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Công Sứ

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH, SINH TRƯỞNG CHẬM
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

STT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
I	NHÓM LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH	
1	Bạch đàn Urô	<i>Eucalyptus urophylla</i> S.T.Blake
2	Bạch đàn lai	<i>Eucalyptus</i> hybrid
3	Bạch đàn Cự vĩ	<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus granitica</i>
4	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i> (Pierre) Craib ex Hartwiss
5	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i> Willd
6	Keo lai	<i>Acacia</i> hybrid
7	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i> A.Cunn. ex Benth
8	Mỡ	<i>Manglietia conifera</i> Dandy
9	Trầu (Trầu lá xẻ, Trầu 3 hạt)	<i>Vernicia Montana</i> Lour
II	NHÓM LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM	
1	Dẻ ăn hạt	<i>Castanea mollissima</i> Blume và <i>Castanopsis boisii</i> Hickel et Camus
2	De gừng	<i>Cinnamomum bejolghota</i> (Buch-Ham) Sweet
3	Giáng hương	<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz.
4	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i> Dandy
5	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkiensis</i> Dandy
6	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>
7	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss
8	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i> Oliv
9	Muồng đen	<i>Senna siamea</i> (Lam.) H.s.Irwin & Bameby
10	Mắc ca	<i>Macadamia integrifolia</i> Maid. Et Betche
11	Phơ mu (Mạy vạc, Hong he)	<i>Fokienia hodginsii</i> Herry et Thomas
12	Quế	<i>Cinamomum cassia</i> Presl
13	Sa mộc (Sa mu)	<i>Cunninghamia lanceolata</i> (Lamb.) Hook
14	Sơn tra	<i>Docynia indica</i> (Wall) Dec
15	Sầu	<i>Dracontomelon duperreanum</i> Pierre
16	Sưa	<i>Dalbergia tonkinensis</i>
17	Thông caribe	<i>Pinus caribaea</i> Morelet
18	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i> Lamb
19	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i> Royle ex Gordon
20	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i> Junght. et de Vries
21	Tông dù	<i>Toona sinensis</i> (A. Juss) Roem
22	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i> Dai & Ykovl
23	Trám trắng	<i>Canarium album</i> (Lour) Raeusch
24	Tếch	<i>Tectona grandis</i> Linn.f
25	Tông quá sủ	<i>Alnus nepalensis</i> D.Don
26	Vối thuốc (Gỗ ngứa)	<i>Schima wallichii</i> Choisy
27	Vù Hương (xá xỉ, re hương)	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>
28	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i> L.
29	Xoan đào	<i>Betula alnoides</i> Buch. - Ham.
30	Gáo vàng	<i>Nauclea orientalist</i> L; <i>Sarcocophalus coadulata</i> . Druce

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC LOÀI CÂY MỤC ĐÍCH, CÂY PHI MỤC ĐÍCH ĐỐI VỚI
RỪNG PHÒNG HỘ VÀ RỪNG SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

STT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Phòng hộ	Sản xuất
I	NHÓM LOÀI CÂY MỤC ĐÍCH			
1	Bạch đàn cự vĩ	<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus granitica</i>		X
2	Bạch đàn urô	<i>Eucalyptus urophylla</i>		X
3	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i>	X	X
4	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i>		X
5	Bời lời	<i>Litsea cubeba</i>	X	X
6	Bương	<i>Dendrocalamus aff. sinicus</i>	X	X
7	Cáng lò	<i>Betula alnoides</i>	X	X
8	Chè Shan	<i>Camellia sinensis</i>	X	X
9	Chò chỉ	<i>Parashorea chinensis</i>	X	X
10	Chò nâu	<i>Dipterocarpus retusus</i>	X	
11	Chò xanh	<i>Terminalia myriocarpa</i>		
12	Dâu da	<i>Baccaurea ramiflora</i>	X	
13	Đẻ ăn quả	<i>Castanopsis boisii</i>	X	X
14	Đẻ gai ấn độ	<i>Castanopsis indica</i>	X	X
15	Đẻ gai lá dày	<i>Castanopsis crassifolia</i>	X	X
16	Đa búp đỏ	<i>Ficus elastica</i>	X	
17	Đa lông	<i>Ficus drupacea</i>	X	
18	Đàn Hương	<i>Santalum album L</i>		X
19	Đinh	<i>Markhamia stipulata</i>	X	X
20	Đinh vàng	<i>Fernandoa collignonii</i>	X	X
21	Gáo	<i>Anthocephalus indicus</i>	X	X
22	Gáo vàng	<i>Nauclea orientalis</i>	X	X
23	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkinensis</i>	X	X
24	Giổi bà	<i>Michelia balansae</i>	X	X
25	Giổi găng	<i>Paramichelia baillonii</i>	X	X
26	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i>	X	X
27	Gội nếp	<i>Aglaia spectabilis</i>	X	X
28	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>	X	X
29	Gụ mật	<i>Sindora siamensis</i>	X	X
30	Hôi	<i>Illicium verum</i>		X
31	Hông	<i>Paulownia tomentosa</i>		X
32	Huỳnh đàn hai tuyến	<i>Dysoxylum gotadhora</i>	X	
33	Kè đuôi giông	<i>Markhamia stipulata</i>		X
34	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i>		X
35	Keo lai	<i>Acacia hybrid</i>		X
36	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i>		X
37	Kháo	<i>Machilus odoratissima</i>	X	X
38	Kim giao	<i>Podocarpus fleuryi</i>	X	X
39	Lá nén	<i>Macaranga sampsonii</i>		X
40	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i>		X
41	Lát khét	<i>Toona sureni</i>		X
42	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii Oliv</i>	X	X

43	Lim xẹt	<i>Peltophorum dasyrrhachis</i> <i>var. tonkinense</i>	X	X
44	Long não	<i>Cinnamomum camphora</i>	X	X
45	Mắc ca	<i>Macadamia integrifolia</i>	X	X
46	Mán đĩa	<i>Archidendron clypearia</i>		X
47	Màng tang	<i>Litsea cubeba</i>		X
48	Me	<i>Tamarindus indica</i>	X	
49	Me rừng	<i>Phyllanthus emblica</i>	X	
50	Mỡ	<i>Manglietia conifera</i> Dandy		X
51	Móng bò sọc	<i>Bauhinia variegata</i>		X
52	Móng bò tím	<i>Bauhinia purpurea</i>		X
53	Mun	<i>Diospyros mun</i>	X	X
54	Muồng xanh	<i>Albizia procera</i>		X
55	Ngát	<i>Gironniera subaequalis</i>	X	
56	Nghiến	<i>Burretiodendron hsienmu</i>	X	X
57	Ngọc lan lông	<i>Magnolia albosericea</i>	X	X
58	Nhội	<i>Bischofia trifoliata</i>	X	X
59	Nụ	<i>Garcinia xanthochymus</i>		X
60	Óc chó	<i>Juglans regia</i>	X	X
61	Phay sừng	<i>Duabaga sonneratioides</i>	X	
62	Phơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i>	X	X
63	Quế	<i>Cinamomum cassia</i> Presl	X	X
64	Ràng ràng mít	<i>Ormosia balansae</i>	X	X
65	Re gừng	<i>Cinnamomum bejolghota</i>	X	X
66	Re hương	<i>Cinnamomum</i> <i>parthenoxylon</i>	X	X
67	Sa mộc (Sa mu)	<i>Cunninghamia lanceolata</i>	X	X
68	Sâng	<i>Amesiodendron chinensis</i>	X	
69	Sang máu	<i>Horsfieldia amygdalina</i>		X
70	Sâng nhung	<i>Sterculia lanceolata</i>		X
71	Sanh	<i>Ficus benamina</i>	X	
72	Sao đen	<i>Hopea odorata</i>	X	X
73	Sấu	<i>Dracontomelon</i> <i>duperreanum</i> Pierre	X	X
74	Sau sau	<i>Liquidambar formosana</i>	X	
75	Sến mật	<i>Madhuca pasquieri</i>	X	X
76	Sì	<i>Ficus retusa</i> var. <i>nitida</i>	X	
77	Sòi phẳng	<i>Castanopsis cerebrina</i>	X	X
78	Sòi xanh	<i>Lithocarpus</i> <i>pseudosundaicus</i>	X	X
79	Sơn tra	<i>Docynia indica</i>	X	X
80	Sưa	<i>Dalbergia tonkinensis</i>	X	X
81	Sữa	<i>Alstonia scholaris</i>	X	
82	Tấu Mật	<i>Vatica tonkinensis</i> A.Chev	X	X
83	Tấu muối	<i>Vatica odorata</i>	X	X
84	Tếch	<i>Tectona grandis</i>		X
85	Thầu tấu lá dày	<i>Aporosa tetrapleura</i>	X	
86	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i>	X	X
87	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i>	X	X
88	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i>	X	X
89	Thừng mực lông	<i>Wrightia pubescens</i>	X	X

90	Tông dù	<i>Toona sinensis</i>		X
91	Tông quá sủ	<i>Alnus nepalensis</i>	X	X
92	Trai lý	<i>Garcinia fagraeoides</i>	X	X
93	Trám chim	<i>Canarium tonkinense</i>	X	X
94	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i>	X	X
95	Trám hồng	<i>Canarium bengalense</i>	X	X
96	Trám trắng	<i>Canarium album</i>	X	X
97	Trầu	<i>Vernicia Montana</i> Lour		X
98	Trường mật	<i>Pometia pinnata</i>	X	
99	Vàng anh	<i>Saraca dives</i>	X	
100	Vàng tâm	<i>Manglietia dandyi</i>	X	X
101	Vạng trứng	<i>Endospermum chinense</i>	X	X
102	Vôi thuốc	<i>Schima wallichii</i>	X	X
103	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i>		X
104	Xoan đào	<i>Prunus arborea</i>		X
105	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i>		X
II	NHÓM LOÀI CÂY PHI MỤC ĐÍCH			
1	Ba bét lông	<i>Mallotus barbatus</i>		
2	Ba soi	<i>Macaranga denticulata</i>		
3	Ban trắng	<i>Bauhinia variegata</i>		
4	Bọ nẹt	<i>Alchornea rugosa</i>		
5	Bứa	<i>Garcinia oblongifolia</i>		
6	Coi	<i>Pterocarya tonkinensis</i>		
7	Dọc	<i>Garcinia multiflora</i>		
8	Duối	<i>Streblus asper</i>		
9	Đu đủ rừng	<i>Trevesia cavaleriei</i>		
10	Gạo	<i>Bombax ceiba</i>		
11	Hu đay	<i>Trema orientalis</i>		
12	Me	<i>Tamarindus indica</i>		
13	Me rừng	<i>Phyllanthus emblica</i>		
14	Muối	<i>Rhus chinensis</i>		
15	Ngái	<i>Ficus hispida</i>		
16	Núc nác	<i>Oroxylon indicum</i>		
17	Sổ xoan	<i>Dillenia ovata</i>		
18	Sống rấn	<i>Albizia chinensis</i>		
19	Sung	<i>Ficus racemosa</i>		
20	Thàn mát	<i>Millettia ichthyotona</i>		
21	Thành ngạnh	<i>Cratoxylon palyanthum</i>		
22	Thỏ mật	<i>Bridelia monoica</i>		
23	Vả	<i>Ficus auriculata</i>		